

TÍNH CỘNG ĐỒNG, TÍNH CÁ NHÂN BÌNH ĐẲNG VÀ THỨ BẬC QUA CÁC TÌNH HUỐNG

Lê Văn Hảo

Viện Tâm lý học

Trong các bài trước, chúng tôi đã trình bày về tính cộng đồng (CĐ), tính cá nhân (CN) nói chung biểu hiện ở cấp độ nhận thức, định hướng giá trị và hành vi. Mục đích của bài viết này là đi tiếp để nhận diện và xem xét một *đặc điểm* quan trọng của xu hướng CĐ/CN ở người dân xã Tam Hiệp⁽¹⁾: *tính thứ bậc và bình đẳng*.

Phương pháp

Hành vi ứng xử là biểu hiện rõ nhất quá trình tâm lý của con người, từ nhận thức, tình cảm cho đến thái độ hay định hướng giá trị của cá nhân cũng như mức độ tác động của hoàn cảnh bên ngoài. Chính vì thế, 23 tình huống⁽²⁾ đặt ra ở phần này được thiết kế để làm rõ đặc điểm nói trên của tính CĐ/CN qua các *hành vi ứng xử* biểu hiện trong những tình huống, hoàn cảnh gắn gũi với cuộc sống của cá nhân. Các tình huống này bao gồm các hành vi ứng xử của các cá nhân nói chung; hành vi ứng xử liên quan đến phân chia lợi ích; giải quyết bất đồng, xung đột; lựa chọn nhân sự, bầu cử...

Trong mỗi tình huống có 4 phương án lựa chọn. Mỗi phương án thể hiện một cách hành động, ứng xử khác nhau: theo xu hướng cộng đồng hay theo xu hướng cá nhân. Trong mỗi xu hướng lại phân ra làm 2 kiểu: kiểu bình đẳng và kiểu thứ bậc. Như vậy, trong mỗi tình huống, người ta có thể chọn 1 trong 4 kiểu hành động ứng xử sau đây:

1. Kiểu cộng đồng bình đẳng (CĐBD).
2. Kiểu cộng đồng thứ bậc (CĐTB).
3. Kiểu cá nhân bình đẳng (CNBD).
4. Kiểu cá nhân thứ bậc (CNTB).

Có thể hiểu 4 mô thức này như sau: Trong mô thức ứng xử theo *tính cộng đồng bình đẳng*, mọi người đều coi mình là giống như nhau, nhấn mạnh đến mục đích chung, đến sự phụ thuộc lẫn nhau, nhưng họ không dễ dàng tuân theo áp đặt của

quyền lực. Với *tính cộng đồng thứ bậc*, người ta nhấn mạnh đến tính toàn vẹn của nhóm (thường là nhóm nội), sẵn sàng hy sinh mục đích cá nhân cho mục đích của nhóm nội, ủng hộ việc cạnh tranh của nhóm mình (nhóm nội) với nhóm ngoại. Vì lợi ích hay vì thể diện của nhóm nội, cá nhân theo mô thức này dễ dàng tuân theo ý chí của quyền lực cho dù họ không thích. *Tính cá nhân bình đẳng* thể hiện qua việc con người muốn độc lập và có bản sắc riêng, theo dạng “Tôi muốn làm các công việc của riêng mình, theo cách của riêng mình”. Tức là độc lập và “tự trị”, nhưng lại không quan tâm nhiều đến việc phải có vị thế cao hơn hay khác biệt người khác, ít cạnh tranh hơn. Trong khi đó, người có *tính cá nhân thứ bậc* quan tâm đến việc làm sao mình phải khác biệt với người khác, phải có vị thế cao thông qua cạnh tranh với mọi người, ganh đua, có xu hướng muốn “tôi là số 1”.

Các tình huống và phương án trả lời có dạng như sau:

Bạn và một số bạn bè của mình đi ăn ở một quán ăn. Theo bạn, cách nào là cách trả tiền là tốt nhất?

CĐBĐ	a. Chia đều, không để ý đến việc ai gọi món gì
CĐTB	b. Đại diện nhóm sẽ trả tiền hoặc quyết định xem phải trả như thế nào
CNBĐ	c. Chia tiền theo số món ăn và từng người phải trả
CNTB	d. Mỗi người phải trả tiền cho những món mà mình đã gọi

Phương pháp tình huống có ưu thế là chúng gắn với các tình huống có thật trong cuộc sống hàng ngày của khách thể nghiên cứu. Cả 4 phương án trả lời đều “đúng”, không có gì “sai” nên có thể tùy chọn và vì thế không có sức ép phải trả lời sao cho “phải”, cho phù hợp với mong muốn xã hội. Hiệu ứng “mong muốn xã hội” vì vậy mà bị giảm thiểu.

Kết quả

Kết quả trả lời tổng quát của cả 23 tình huống (theo tần xuất lựa chọn) được trình bày ở bảng 1. Chúng tôi cũng trình bày kết quả thu được từ mẫu sinh viên Việt Nam (Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương, 2002) để tiện so sánh.

Bảng 1: Tỷ lệ (%) lựa chọn hành vi ứng xử theo 4 cách ở Tam Hiệp và sinh viên Việt Nam

	CĐBĐ	CĐTB	CNBĐ	CNTB
1. Tổng mẫu Tam Hiệp	28	28	24	20
2. Tuổi ≤ 30 ; Học vấn $\geq$ PTTH (Tam Hiệp)	31	27	24	18
3. Tuổi ≥ 50 (Tam Hiệp)	29	30	20	21
4. Tổng mẫu sinh viên VN	35	24	23	19

So sánh tỉ lệ 4 mẫu hình ứng xử được trình bày trong bảng 1, có thể thấy một “hồ sơ” sơ lược ở tổng mẫu Tam Hiệp như sau:

$$CĐBD (28\%) = CĐTĐ (28\%) > CNBD (24\%) > CNTĐ (20\%)$$

Từ kết quả này ta thấy, hành vi ứng xử mang tính cộng đồng và tính cá nhân cùng song song tồn tại, nhưng tính cộng đồng (56%) vẫn có biểu hiện trội hơn ít nhiều so với tính cá nhân (44%). Đặc điểm của cái cộng đồng này thể hiện ở tính chất nước đôi: vừa có nếp sống dân chủ bình đẳng (tính CĐ chiều ngang/bình đẳng - 28%) vừa có nếp sống theo tôn ti, trật tự trên dưới (tính CĐ chiều dọc/thứ bậc - 28%), tùy vào từng tình huống khác nhau. Kết quả này khẳng định quan điểm của một số nhà nghiên cứu về quan hệ xã hội trong làng xã Việt Nam truyền thống (ví dụ, xem Trần Ngọc Thêm, 2001).

Biểu hiện của tính CN bình đẳng cao hơn tính CN thứ bậc trong mẫu chọn ở Tam Hiệp (24% so với 20%), tuy sự khác biệt không lớn. Như đã trình bày ở phần trên, tính CNBD biểu hiện cái riêng, sự độc lập của cá nhân, nhưng không muốn mình cách biệt với người khác, cá tính nhưng không nhất thiết phải cạnh tranh. Còn tính CNTĐ rất quan tâm so sánh mình với người khác, muốn là người thắng cuộc, ganh đua, chấp nhận cạnh tranh. *Cả hai chiều cạnh bình đẳng và thứ bậc của tính CN đều được biểu hiện ở người Tam Hiệp.*

Nghiên cứu ở mẫu chọn là sinh viên trước đây của chúng tôi (xem Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương, 2002, có kết quả được trình bày ở dòng cuối cùng trong bảng 1) có thể nêu lên sơ đồ như sau:

$$CĐBD (35\%) > CĐTĐ (24\%) > CNBD (23\%) > CNTĐ (19\%)$$

Khác biệt lớn nhất ở sinh viên và mẫu chọn ở Tam Hiệp là biểu hiện ở tính CĐBD (35% so với 28%). Sinh viên có xu hướng CĐBD cao hơn so với những người tham gia nghiên cứu ở Tam Hiệp. Có thể đặc điểm tuổi tác và học vấn là yếu tố tạo ra sự khác biệt trên. Môi trường sống ở làng xã Tam Hiệp với biết bao mối quan hệ gia đình, hàng xóm, cộng đồng... có thể làm người Tam Hiệp biểu hiện tính CĐTĐ cao hơn sinh viên. Để kiểm tra suy đoán trên, chúng tôi chọn trong mẫu nghiên cứu ở Tam Hiệp những người dưới 30 tuổi và có trình độ học vấn trung học phổ thông trở lên để xem xét. Kết quả của nhóm khách thể này (trình bày ở dòng 3, bảng 1) đã khẳng định giả thuyết trên:

$$CĐBD (31\%) > CNBD (27\%) > CĐTĐ (24\%) > CNTĐ (18\%).$$

Như vậy là tính CĐBD trở thành trội nhất, được ưa dùng nhất còn CNTĐ ít được thể hiện nhất. Tuổi tác và cả học vấn là yếu tố tạo ra sự khác biệt. Kinh nghiệm thông thường cho ta biết là trong cuộc sống ở làng xã truyền thống, bên cạnh quan hệ ứng xử mang tính chất dân chủ, bình đẳng khá phổ biến, còn tồn tại tính chất thứ bậc, tôn ti trật tự. Kiểm tra điều này ở lứa tuổi ≥ 50 trong mẫu nghiên cứu ở Tam Hiệp thì thấy tính chất bình đẳng và thứ bậc có chiều hướng đối chỗ cho nhau. Tuy chiều hướng không rõ nét nhưng tính CĐTĐ và CNTĐ (tương ứng là 30% và 21%) có vẻ trội dần so với CĐBD và CNBD (29% và 20%). Tổng hợp kết quả của các nhóm tuổi (tuổi

≤ 30 và sinh viên Việt Nam so với nhóm tuổi ≥ 50) thì thấy rằng *tuổi càng trẻ, học vấn càng cao thì càng có xu hướng ứng xử theo cách thức bình đẳng ở cả tính CD và tính CN.*

Điều đáng nói thêm về tính CDTB là, một mặt, nó tạo ra trật tự trên dưới và sự ổn định trong cấu trúc của các mối quan hệ, đặc biệt là 'quan hệ trên - dưới'⁽³⁾, nhưng cũng chính nó lại tạo ra một đặc điểm tâm lý là người ta thường ỷ lại, chờ đợi những quyết định, thông tin, chỉ dẫn từ bên trên đưa xuống hơn là tự đưa ra các đề xuất, sáng kiến cá nhân. Còn tính CNTB có thể tạo ra cả tính cạnh tranh lành mạnh (ganh đua, không ngừng vươn lên) lẫn không lành mạnh (như ghen ghét, đố kỵ).

Chú thích

(1) Một xã ven đô Hà Nội đang trải qua nhiều biến đổi về kinh tế - xã hội trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa. Nghiên cứu được thực hiện năm 2004, trên một mẫu chọn 418 người, tuổi từ 18 - 81, tuổi trung bình là 36 (± 14).

(2) Được chọn lựa từ 36 tình huống do Triandis, Chen & Chan (1998) thiết kế. Chúng tôi chọn 23 tình huống, có chỉnh sửa cho phù hợp với hoàn cảnh văn hoá, kinh tế, xã hội của Việt Nam.

(3) Trong 5 mối quan hệ được Nho giáo đề cập (Vua - tôi, vợ - chồng, cha - con, anh - em, bạn - bè), thì có tới 4 mối quan hệ mang tính thứ bậc.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*. NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.
2. Triandis, H. Chen X. P. & Chan D. K. S. (1998). "Scenarios for the measurement of collectivism and individualism". *Journal of cross - cultural psychology*, Vol. 29, No 2, March 1998, tr. 275 - 289.
3. Đỗ Long - Phan Thị Mai Hương (chủ biên). *Tính cộng đồng, tính cá nhân và "cái tôi" của người Việt Nam hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia, 2002, Hà Nội, tr. 219.